

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2018
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Xuân Thanh;

Ông Nguyễn Văn Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Lê Tiến Danh – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Đặng Trần Phúc H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. có mặt

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: số 88, đường X1, Phường Y1, Quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh.
vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07-5-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Đặng Trần Phúc H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị C chung sống vào năm 2000, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Y, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2001. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu P sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không H nhau về tính tình từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không

hạnh phúc nên ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và thời gian ly thân đã lâu nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

- Về con chung: Ông và bà C có hai con chung tên Đặng Nguyễn Tấn P, sinh ngày 30-4-2002 và Đặng Nguyễn Kim T, sinh ngày 21-01-2009, hiện cháu P sống với bà C, cháu T sống với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, giao cháu P cho bà C nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về T sản chung: Ông và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C đã khai: Về hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn bà thừa nhận như lời trình bày của ông H. Bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải đoàn tụ và thời gian ly thân đã lâu nên bà chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đặng Trần Phúc H.

- Về con chung: Bà thừa nhận bà và ông H có hai con chung như ông H trình bày. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, giao cháu T cho ông H nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về T sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt H lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ tố tụng. Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Kiểm sát viên không thấy vấn đề vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đặng Trần Phúc H đối với bà Nguyễn Thị C.

Về án phí: Buộc ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Đặng Trần Phúc H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị C, bà C có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý, giải quyết là đúng theo qui định tại Điều 28, Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, bà C đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo H lệ

nhưng bà C vắng mặt không có lý do nên áp dụng Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà C.

[2] Về hôn nhân: Ông H và bà C chung sống từ năm 2000, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09 năm 2001 là hôn nhân H pháp. Ông H và bà C thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không còn tình cảm, quan tâm và chăm sóc nhau. Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện để hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành; bà C chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H. Do đó xét thấy tình trạng vợ chồng giữa ông H và bà C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà C là có căn cứ theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Ông H và bà C thống nhất có hai con chung tên Đặng Nguyễn Tấn P, sinh ngày 30-4-2002 và Đặng Nguyễn Kim T, sinh ngày 21-01-2009; hiện cháu P sống với bà C, cháu T sống với ông H. Đối với cháu P trên 07 tuổi nhưng ông H và bà C không cung cấp địa chỉ để Tòa án lấy lời khai, xem xét nguyện vọng của cháu, đối với cháu T có nguyện vọng sống với ông H. Quá trình làm việc ông H và bà C thỏa thuận giao cháu T cho ông H, giao cháu P cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa ông H và bà C là tự nguyện, quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho con và phù H nguyện vọng của con chung nên cần tiếp tục giao cháu T cho ông H, giao cháu P cho bà C nuôi dưỡng là phù H theo qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; ghi nhận ông H và bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông H và bà C được quyền thăm nom con chung theo qui định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, không ai được cản trở ông H và bà C thực hiện quyền này.

[4] Về T sản chung và nợ chung: Ông H và bà C không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Ông H phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đặng Trần Phúc H đối với bà Nguyễn Thị C. Ông H được ly hôn với bà C.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Nguyễn Tấn P, sinh ngày 30-4-2002 cho bà Nguyễn Thị C, giao cháu Đặng Nguyễn Kim T, sinh ngày 21-01-2009 cho

ông Đặng Trần Phúc H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận ông H và bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở ông H và bà C thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về T sản chung và nợ chung: Ông H và bà C không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Đặng Trần Phúc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: **0021421** ngày 07-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Đặng Trần Phúc H có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị C có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường H quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu